

Số: 81/KH-UBND

Phú Lạc, ngày 27 tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH
Triển khai đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính
của UBND xã Phú Lạc năm 2024

Thực hiện Hướng dẫn 190/HD-SNV ngày 22/11/2023 của Sở Nội vụ Tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Đại Từ về việc triển khai đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính Nhà nước của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn năm 2024.

Ủy ban nhân dân xã Phú Lạc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn xã cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích.

Đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính để đánh giá thực chất việc triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác Cải cách hành chính (viết tắt CCHC) nhà nước của UBND xã, là căn cứ thực hiện đồng bộ, thống nhất theo dõi, đánh giá, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính trong những năm tiếp theo.

2. Yêu cầu.

Thực hiện tự chấm điểm, đánh giá dụng, đầy đủ các tiêu chí thành phần theo Hướng dẫn 190/HD-SNV ngày 22/11/2023 của Sở Nội vụ Tỉnh Thái Nguyên về đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Việc tự chấm điểm của cán bộ, công chức liên quan đảm bảo dân chủ, trung thực, chính xác, khách quan, đúng quy định.

II. NỘI DUNG

1. Hướng dẫn chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính.

Thực hiện chấm điểm theo Hướng dẫn 190/HD-SNV ngày 22/11/2023 của Sở Nội vụ Tỉnh Thái Nguyên về đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên.

(Có phụ lục hướng dẫn của Sở Nội vụ kèm theo)

2. Nội dung chấm điểm đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo,
- Xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật,
- Cải cách thủ tục hành chính.
- Hoạt động của chính quyền cơ sở,
- Cải cách chế độ công vụ.
- Cải cách tài chính công,
- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số,
- Thực hiện phát triển kinh tế- xã hội

3. Quy trình đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính .

3.1. Cán bộ, công chức liên quan tự chấm điểm, xác định chỉ số CCHC.

Tổ chức chấm điểm theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, xây dựng báo cáo tự chấm điểm, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC lĩnh vực mình phụ trách (Các đồng chí công chức tự chấm điểm lĩnh vực mình được phân công vào phần chấm điểm và tất cả các tiêu chí chấm điểm phải có tài liệu kiểm chứng kèm theo. Thường trực HĐND xã; UB.MTTQ xã; Ban Thanh tra nhân dân phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng thuộc nội dung chấm điểm liên quan) để UBND xã tổng hợp trình UBND huyện thẩm định, đánh giá, xác định chỉ số CCHC năm 2024.

Chủ trì thực hiện chấm điểm Chủ tịch UBND xã, các cán bộ công chức chuyên môn tham gia chấm điểm.

Thời gian gửi hồ sơ đánh giá, xác định chỉ số CCHC: **Hồ sơ gửi về UBND xã (qua đồng chí Lương Thu Huyền, công chức Văn phòng – Thống kê xã) chậm nhất ngày 05/12/2024.**

Lưu ý. Do nhập dữ liệu trên phần mềm kết quả tự đánh giá, chấm điểm và đính kèm file tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả tự đánh giá chấm điểm tương ứng với từng tiêu chí yêu cầu các cán bộ, công chức được phân công phụ trách từng tiêu chí hoàn thiện Hồ sơ (tài liệu kiểm chứng. Không có tài liệu kiểm chứng thì chỉ tiêu, lĩnh vực đó không có điểm) tài liệu kiểm chứng chấm điểm gửi về UBND xã thông qua đồng chí Lương Thu Huyền, Văn phòng – Thống kê tổng hợp đúng thời gian theo yêu cầu chậm nhất ngày **05/12/2024** và thực hiện chấm điểm trên hệ thống đảm bảo theo Kế hoạch của UBND huyện Đại Từ, UBND tỉnh Thái Nguyên, nếu quá thời hạn hệ thống chấm điểm sẽ khóa. Cán bộ, công chức được phân công nhiệm vụ tham gia chấm điểm CCHC thực hiện tốt các nội dung, quá thời hạn không gửi hồ sơ về UBND xã, coi như không có kết quả đề nghị xếp hạng chỉ số cải cách hành chính năm 2024 và chịu trách nhiệm trước UBND xã.

* **Hồ sơ:** Báo cáo chấm điểm chỉ số cải cách hành chính liên quan (Kèm theo biểu chấm điểm). Tài liệu kiểm chứng (tài liệu sắp xếp theo thứ tự bảng chấm điểm, tài liệu được Scan bản dấu đỏ hoặc ký số đưa lên hệ thống chấm điểm).

3.2. Tiếp nhận. Tổng hợp, sắp xếp hồ sơ:

UBND xã giao cho công chức Văn phòng -Thống kê tiếp nhận hồ sơ từ cán bộ, công chức chuyên môn tổng hợp vào biểu chung toàn xã, sắp xếp hồ sơ theo thứ tự các tiêu chí.

4. Thành phần hồ sơ trình UBND huyện thẩm định:

- Báo cáo chấm điểm chỉ số cải cách hành chính (chấm điểm trên phần mềm).
- Tờ trình của UBND xã.
- Các tài liệu kiểm chứng từng chỉ số theo biểu chấm điểm (Đính kèm)

5. Xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2024:

- Nhóm xuất sắc: Từ 90 điểm trở lên.
- Nhóm Tốt: Từ 80 điểm đến dưới 90 điểm
- Nhóm Khá: Từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.
- Nhóm Trung bình: Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm
- Nhóm Yếu: Dưới 50 điểm

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng – Thống kê xã (Bà Lương Thu Huyền).

Phối hợp với các chuyên môn, hướng dẫn cán bộ, công chức chuyên môn thực hiện chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC.

Thực hiện tự chấm điểm và tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: Các tiêu chí: 1.1; 1.2; 1.3;1.4; 1.7; 1.8; 1.9; 2.2; 3.1; 3.2; 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5; 5.6; 5.7; 5.8; 7.1; 7.2; 7.4; 7.5; 7.6; 7.7; 7.8; 7.9; 7.10; 7.11; 7.12; 7.13; 7.15; 7.16; 8.1

2. Công chức Tư pháp - Hộ tịch (Ông Toàn Văn Hùng).

Thực hiện tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 3.2.16; 4.2.6' 4.2.7; 4.2.8

3. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội – Giáo dục, y tế

- Ông Tống Văn Thắng và Ông Nguyễn Văn Tàn: Thực hiện tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: 1.5 (1.5.1; 1.5.2;1.5.3); 7.3; ; 7.14; 8.3.4; 8.4.4.

- Ông Ngọc Văn Tư – Phó Chủ tịch UBND xã: Chỉ đạo thu thập tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm tiêu chí sau: 8.4 (8.4.1; 8.4.1.1; 8.4.1.2; 8.4.1.3; 8.4.2; 8.4.3 (8.4.3.1; 8.4.3.2; 8.4.3.3).

4. Lĩnh vực Tài chính - Kế toán (Bà Nguyễn Thị Hà).

Thực hiện tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau
Toàn bộ phần VI: Cải cách tài chính công.

5. Lĩnh vực Địa chính: (Ông Lục Văn Báo).

Thực hiện tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: 3.2.7; 3.2.8; 3.2.13; 3.2.21; 7.4.6; 7.4.7; 8.3 (8.3.1; 8.3.2; 8.3.3; 8.3.5); 8.5 (8.5.1; 8.5.2).

6. Lĩnh vực Công an (Ông Ngô Văn Quyết).

Thực hiện tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: 8.2.3

7. Lĩnh vực Quân Sự (Ông Hứa Đức Văn).

Thực hiện tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: 3.2.11; 8.2 (8.2.1; 8.2.2)

8. Lĩnh vực HĐND; Lĩnh vực Nội vụ (Lương Thu Huyền).

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: 1.3.3; 1.3.4; 1.3.5; 1.6; 4.2.4; 4.2.7.

- Toàn bộ phần V: Cải cách chế độ công vụ: 7.1.1; 7.1.4

9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã:

Đề nghị UB.MTTQ xã phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng chấm điểm các tiêu chí sau: 4.3 (4.3.1; 4.3.2; 4.3.3; 4.3.4; 4.3.5; 4.3.7).

10. Ban Thanh Tra nhân dân xã:

Đề nghị Ban thanh tra nhân dân xã phối hợp tự chấm điểm và chuẩn bị tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau: 4.3.6

11. Thường trực Hội đồng nhân dân xã:

Đề nghị Thường trực HĐND xã phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng chấm điểm các tiêu chí : 2.1 (2.1.1); 4.1 (4.1.1; 4.1.2; 4.1.3; 4.1.4).

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của UBND xã Phú Lạc. Đề nghị Thường trực HĐND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã; Ban thanh tra nhân dân xã phối hợp cung cấp hồ sơ, tài liệu chấm điểm cải cách hành chính năm 2024. Yêu cầu các đồng chí cán bộ, công chức chuyên môn tổ chức thực hiện nghiêm theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, đảm bảo tiến độ, thời gian theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - HĐND xã;
- UB. MTTQ xã;
- Ban thanh tra nhân dân xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu: VP .UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Văn Tùng

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CCHC CỦA UBND CẤP XÃ THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN
(*Của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên*)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10	
1.1	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC	1,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch = 0 điểm; - Hoàn thành từ 80% kế hoạch trở lên = 1,5 điểm. <p>*<i>Ghi chú:</i> Kế hoạch ban hành chậm nhất 10 ngày kể từ ngày UBND cấp huyện ban hành kế hoạch CCHC của năm đánh giá và bố trí đủ nguồn lực thực hiện; phải có phụ biểu nhiệm vụ trọng tâm, xác định rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành cụ thể và đính kèm các sản phẩm của kế hoạch kèm theo có số thứ tự như trong Biểu nhiệm vụ.</p>		Địa phương lập Biểu thống kê các nhiệm vụ đã hoàn thành, chưa hoàn thành theo kế hoạch đề ra và đính kèm sản phẩm của kế hoạch trên phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC; tổng hợp kinh phí bố trí cho Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.2	Báo cáo CCHC	0,5	
	<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC định kỳ đầy đủ, đúng quy định về nội dung, số lượng, thời gian báo cáo, các phụ lục theo hướng dẫn của UBND cấp huyện = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm. 		Địa phương thống kê số lượng, thời gian gửi Báo cáo nêu rõ thời gian gửi báo cáo và kết quả theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.3	Kiểm tra CCHC	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Kế hoạch kiểm tra CCHC và tổ chức kiểm tra theo Kế hoạch, nội dung đề ra = 0,5 điểm; - Không có Kế hoạch kiểm tra hoặc có Kế hoạch nhưng không hoàn thành việc kiểm tra Kế hoạch đề ra = 0 điểm. 		Kế hoạch kiểm tra CCHC; Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; Biên bản kiểm tra CCHC; Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.4	HĐND cấp xã giám sát thực hiện CCHC	1,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<u>Yêu cầu:</u> - HDND có nghị quyết và thực hiện giám sát CCHC = 1,5 điểm; - Không có nghị quyết, không thực hiện giám sát = 0 điểm.		- Nghị quyết của HDND cấp xã giám sát về thực hiện CCHC; Biên bản giám sát CCHC. - Báo cáo công tác giám sát của HDND cấp xã trong năm.
1.5	Tuyên truyền CCHC	1,5	
1.5.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - Có Kế hoạch tuyên truyền (hoặc có nội dung tuyên truyền trong kế hoạch CCHC) trong năm và tổ chức một trong các hình thức tuyên truyền: In tờ gấp, cuốn tài liệu tuyên truyền CCHC, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương, Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã = 0,5 điểm; - Không có = 0 điểm.		- Kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc kế hoạch CCHC năm (có nội dung tuyên truyền). - Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện
1.5.2	Tổ chức hoặc tham gia cuộc thi tìm hiểu, tọa đàm, hội thảo, tập huấn về CCHC do cấp trên tổ chức	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - Tổ chức hoặc tham gia, tổ chức = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm. * <u>Ghi chú:</u> Địa phương cử cán bộ, công chức tham gia không vi phạm nội dung, quy chế lớp tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo...		Clip ghi hình hội thi, cuộc thi; Biên bản, giấy mời, quyết định trao giải cuộc thi tìm hiểu về CCHC; văn bản tổ chức hoặc tham gia tọa đàm, hội thảo.
1.5.3	Có bài viết trên Trang Thông tin điện tử CCHC hoặc Bản tin CCHC của tỉnh	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - Viết tin, bài đăng bản tin chuyên đề, báo, tạp chí; Trang thông tin điện tử chuyên đề về CCHC = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.		Địa chỉ liên kết đến bài viết trên Trang thông tin điện tử CCHC; bài viết được đăng trên bản tin CCHC của tỉnh.
1.6	Sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC	1	
1.6.1	Sáng kiến, giải pháp CCHC cấp tỉnh	0,5	

	<p><u>Yêu cầu:</u> - Có sáng kiến, giải pháp CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh = 0,5 điểm; - Không có = 0 điểm.</p>		Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng sáng kiến cấp tỉnh và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
--	--	--	---

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
1.6.2	Sáng kiến, giải pháp CCHC cấp cơ sở	0,5	
	<p>- Có sáng kiến, giải pháp CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở mang lại hiệu quả trên thực tế = 0,5 điểm; - Không có = 0 điểm.</p>		Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng sáng kiến cấp cơ sở (sáng kiến CCHC) và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.7	Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với khai thực hiện CCHC	1,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u> - Cấp ủy địa phương có Nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo thực hiện công tác CCHC = 1,5 điểm; - Không có = 0 điểm.</p>		Nghị quyết của cấp ủy lãnh đạo thực hiện công tác CCHC và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
1.8	Người đứng đầu chính quyền trực tiếp phụ trách CCHC	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u> - Phân công Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách công tác CCHC = 0,5 điểm; - Không phân công = 0 điểm.</p>		Quyết định phân công Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp phụ trách công tác CCHC.
1.9	Các hoạt động nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của địa phương	1,5	
1.9.1	Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của địa phương	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u> - Có báo cáo phân tích tồn tại, hạn chế, tiêu chí mất điểm và đưa ra giải pháp khắc phục hạn chế = 0,5 điểm; - Không có báo cáo = 0 điểm.</p>		Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

1.9.2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC của địa phương	1	
	<u>Yêu cầu:</u> - <i>Xây dựng Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC của địa phương = 1 điểm; - Không xây dựng = 0 điểm.</i>		Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG I:</u> Phòng Nội vụ thẩm định điểm tự chấm nội dung này			
II	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC THI PHÁP LUẬT	7	
2.1	Ban hành văn bản của HĐND và UBND cấp xã	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u>		Báo cáo của địa phương và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	- Địa phương trong năm HĐND và UBND không ban hành văn bản QPPL = 0,5 điểm ; - Địa phương trong năm HĐND và UBND có ban hành văn bản QPPL: + <i>100% văn bản ban hành đúng quy định = 0,5 điểm</i> ; + <i>Có văn bản ban hành không đúng quy định = 0 điểm.</i>		
2.2	Rà soát và xử lý văn bản sau rà soát	1,5	
2.2.1	Kế hoạch rà soát văn bản QPPL và tổ chức rà soát	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - <i>Ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL theo quy định = 0,5 điểm</i> ; - <i>Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định = 0 điểm.</i>		Kế hoạch rà soát văn bản QPPL theo quy định.
2.2.2	Thực hiện rà soát văn bản QPPL	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - <i>Thực hiện nghiêm túc công tác rà soát văn bản theo quy định = 0,5 điểm</i> ; - <i>Thực hiện không đúng yêu cầu = 0 điểm.</i>		Báo cáo rà soát văn bản QPPL, văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát văn bản QPPL; thống kê số văn bản đã rà soát, số văn bản phải xử lý, kiến nghị xử lý sau rà soát.

2.2.3	Xử lý văn bản sau khi có kiến nghị của cơ quan chuyên môn	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Không có văn bản được kiến nghị xử lý = 0,5 điểm; - Có văn bản được kiến nghị xử lý và kịp thời xử lý kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền = 0,5 điểm; - Không xử lý hoặc xử lý không kịp thời văn bản có nội dung được kiến nghị xử lý của cơ quan có thẩm quyền = 0 điểm. 		Báo cáo, kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của địa phương, Quyết định sửa đổi, bãi bỏ văn bản được kiến nghị xử lý hoặc Tờ trình đề nghị sửa đổi, bãi bỏ văn bản được kiến nghị xử lý và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn
2.3	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	2	
2.3.1	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành đúng quy định = 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định = 0 điểm. 		Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn
2.3.2	Công khai các văn bản theo quy định	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<u>Yêu cầu:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai đầy đủ các hình thức, nội dung đúng quy định = 0,5 điểm; - Công khai không đầy đủ = 0 điểm. <p>* <u>Ghi chú:</u> Công khai gồm văn bản QPPL, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã.</p>		Quyết định ban hành Danh mục văn bản được công khai; Các hình thức đã thực hiện công khai (địa chỉ trang thông tin điện tử; ảnh chụp công khai tại trụ sở cơ quan; số Công báo đăng tải văn bản QPPL...vv).
2.3.3	Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức trong cơ quan	0,5	

	<ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, giấy mời, thông báo tổ chức triển khai, tuyên truyền văn bản pháp luật mới; - Kế hoạch và báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm; Công văn triệu tập hội nghị hoặc giấy mời và danh sách đối tượng tham gia hội nghị cùng các sản phẩm phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật như: clip ghi hình, pa nô, áp phích, biên bản...vv minh chứng về các hình thức tuyên truyền đã thực hiện.
2.3.4	Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn theo quy định	0,5	
	<ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện = 0,5 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm. 		Các sản phẩm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù như: Bảng, đĩa ghi hình, biên bản, các sản phẩm tuyên truyền phù hợp với đối tượng đặc thù...vv minh chứng về các hình thức đã thực hiện.
2.4	Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật	1	
2.4.1	Kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kế hoạch và thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định = 0,5 điểm; 		- Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của địa phương

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
-----	--	-------------	---------------------

	- Không thực hiện = 0 điểm .		- Báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề qua theo dõi, thi hành pháp luật của địa phương. - Thống kê số vấn đề phát hiện trong quá trình theo dõi thi hành pháp luật; số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; số đã được xử lý, giải quyết và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
2.4.2	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5	
	Yêu cầu: - Thực hiện đúng thời gian, nội dung quy định = 0,5 điểm ; - Không đúng quy định = 0 điểm .		Báo cáo kết quả thực hiện theo dõi thi hành pháp luật và đánh giá của cơ quan chuyên môn
2.5	Cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	1	
	Yêu cầu: - Đơn vị cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định = 1 điểm ; - Chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
2.6	Thực hiện công tác hòa giải ở địa phương	1	
	Yêu cầu: - Thực hiện tốt công tác hòa giải, tỷ lệ hòa giải thành công từ 80% trở lên = 1 điểm ; - Thực hiện tốt công tác hòa giải, tỷ lệ hòa giải thành từ 70% đến dưới 80% = 0,5 điểm ; - Công tác hòa giải không tích cực, tỷ lệ hòa giải thành dưới 70% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi đánh giá của cơ quan chuyên môn.
<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG II:</u> Phòng Tư pháp chủ trì thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thuộc nội dung II.			

III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	20	
3.1	Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	3,5	
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC và hoàn thành 100% kế hoạch theo quy định = 0,5 điểm; - Không ban hành (hoặc ban hành không đúng quy định) và hoàn thành dưới 100% kế hoạch = 0 điểm. <p>* Lưu ý: Kế hoạch phải có phụ lục nhiệm vụ trọng tâm kèm theo.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch KSTTHC của địa phương; Báo cáo KSTTHC; - Thống kê, tổng hợp số nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra, số nhiệm vụ đã hoàn thành, số nhiệm vụ chưa hoàn thành và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.1.2	Thực hiện rà soát TTHC	1,5	
	<p>Yêu cầu: Ban hành kế hoạch rà soát TTHC và tổ chức rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định thì chấm điểm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị với cơ quan thẩm quyền cắt giảm, đơn giản đạt bình quân mỗi năm từ 4% trở lên số quy định TTHC và từ 4% trở lên chi phí tuân thủ TTHC theo quy định = 1,5 điểm; - Không kiến nghị hoặc đạt tỷ lệ cắt giảm mỗi năm dưới 4% số quy định TTHC và dưới 4% chi phí tuân thủ TTHC = 0 điểm. 		Báo cáo kết quả rà soát TTHC và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.1.3	Công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương	0,5	
	<ul style="list-style-type: none"> - Có TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương được công bố = 0,5 điểm; - Không có = 0 điểm. 		Văn bản công bố của địa phương và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.1.4	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương	0,5	

	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước và đạt tỷ lệ cắt giảm từ 20% trở lên số TTHC, từ 20% trở lên chi phí tuân thủ TTHC theo quy định = 0,5 điểm.</i> - <i>Chưa trình cấp có thẩm quyền phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước hoặc đạt tỷ lệ cắt giảm dưới 20% số TTHC hoặc dưới 20% chi phí tuân thủ TTHC theo quy định = 0 điểm.</i> 		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương. - Theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.1.5	Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u>		Báo cáo KSTTHC của địa phương và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thực hiện đầy đủ nội dung, số lượng, báo cáo đúng thời gian quy định = 0,5 điểm;</i> - <i>Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm.</i> 		
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	14,5	
3.2.1	Bố trí phòng làm việc Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu	1	
	<u>Yêu cầu:</u> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bố trí phòng làm việc Bộ phận một cửa thuận tiện, dễ tìm, diện tích phù hợp đảm bảo đủ vị trí chỗ ngồi làm việc cho cán bộ, công chức; bố trí chỗ ngồi chờ cho người dân, doanh nghiệp, có vị trí để người dân kê khai hồ sơ, bố trí niêm yết công khai TTHC và các trang thiết bị khác = 1 điểm;</i> - <i>Không đáp ứng yêu cầu = 0 điểm.</i> 		Báo cáo của địa phương, thực tế tại Bộ phận một cửa cấp xã và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn
3.2.2	Trang, thiết bị Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu	1	
	<u>Yêu cầu:</u> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Có máy quét văn bản đáp ứng yêu cầu công việc tại địa phương = 0,5 điểm;</i> - <i>Có máy Photocopy đáp ứng yêu cầu = 0,5 điểm;</i> - <i>Không có thiết bị nào thì chấm = 0 điểm với nội dung đó.</i> 		Báo cáo của địa phương, thực tế tại Bộ phận một cửa cấp xã và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn

3.2.3	Hệ thống camera giám sát kết nối với cơ quan cấp trên	1	
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống camera giám sát được kết nối với cơ quan cấp trên = 0,5 điểm; - Có hệ thống camera nhưng không kết nối với cơ quan cấp trên = 0,5 điểm; - Không có nội dung nào thì chấm = 0 điểm với nội dung đó. 		Thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn có liên quan.
3.2.4	Công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa	1	
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai bằng phương thức điện tử (KIOSK tra cứu điện tử; QR CODE) = 0,5 điểm; - Niêm yết bản giấy tại Bộ phận một cửa = 0,5 điểm; - Không thực hiện với nội dung nào thì chấm 0 điểm với nội dung đấy. 		Kiểm tra tại Bộ phận một cửa cấp xã; Mã QR CODE đăng tải TTHC của địa phương và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn (yêu cầu 100% TTHC công khai đúng quy định).
3.2.5	Đăng tải TTHC trên Trang thông tin điện tử của địa phương	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương đúng quy định = 1 điểm; - Dưới 100% hoặc đăng tải không đúng quy định = 0 điểm. <p>* Lưu ý: Do việc đăng tải TTHC trên Trang TTĐT các đơn vị hiện nay được liên kết đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Sau khi kiểm tra có TTHC đăng tải không đúng quy định. Nếu đơn vị có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, cập nhật, bổ sung TTHC thì chấm 0,5 điểm; nếu đơn vị không có văn bản đề nghị sửa đổi, cập nhật, bổ sung TTHC thì chấm 0 điểm với tiêu chí này.</p>		Địa chỉ liên kết đến chức năng đăng tải TTHC của Trang thông tin điện tử của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

3.2.6	Hướng dẫn công dân thực hiện TTHC bằng phiếu	0,5	
	- Có thực hiện = 0,5 điểm ; - Không hướng dẫn bằng phiếu = 0 điểm .		Phiếu hướng dẫn công dân đã thực hiện TTHC và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.7	Xây dựng và niêm yết bộ hồ sơ mẫu tại Bộ phận một cửa	0,5	
	- Có thực hiện = 0,5 điểm ; - Không thực hiện = 0 điểm . * Lưu ý: đủ hồ sơ mẫu của các lĩnh vực đang thực hiện tại Bộ phận một cửa		Bộ TTHC mẫu được ban hành, niêm yết đúng quy định và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.8	Xây dựng và đăng tải Video hướng dẫn thực hiện TTHC trên Trang thông tin điện tử hoặc công khai tại Bộ phận một cửa	0,5	
	- Có thực hiện = 0,5 điểm ; - Không thực hiện = 0 điểm .		Địa chỉ liên kết đến nội dung Video hướng dẫn công dân được đăng tải trên Trang thông tin điện tử và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.9	Phân công lãnh đạo “trực tại bộ phận một cửa” để ký văn bản, giấy tờ phục vụ cá nhân, tổ chức	0,5	
	Yêu cầu: - Phân công và có lãnh đạo UBND trực các ngày làm việc trong tuần để ký văn bản giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân = 0,5 điểm ; - Không thực hiện hoặc phân công không đúng quy định = 0 điểm .		Quyết định phân công, lịch trực của lãnh đạo UBND tại bộ phận một cửa; qua kiểm tra, theo dõi của cơ quan chuyên môn; ý kiến phản ánh của người dân khi giải quyết TTHC
3.2.10	TTHC lĩnh vực công an tại thực hiện tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	Yêu cầu: - Có các TTHC thuộc lĩnh vực Công an được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã theo quy định của UBND tỉnh = 1 điểm ; - Không có = 0 điểm .		Báo cáo của địa phương; quyết định phân công công chức, cán bộ công an, quân sự tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa; phiếu hẹn, phiếu kiểm soát giải quyết hồ sơ lĩnh vực

3.2.11	TTHC lĩnh vực quân sự thực hiện tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã	1	Công an, Quân sự cấp xã tại <i>Bộ phận một cửa cấp xã</i> tại nhiều thời điểm trong năm (mỗi tháng cung cấp 01 phiếu); thực tế tại cơ sở và theo dõi của cơ quan có liên quan.
	Yêu cầu: - Có các TTHC thuộc lĩnh vực Quân sự được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã theo quy định = 1 điểm ; - Không có = 0 điểm .		
3.2.12	Thực hiện liên thông lĩnh vực đất đai	1	
	- Thực hiện đúng quy trình = 1 điểm ; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm .		- Phiếu hẹn, Phiếu chuyển hồ sơ của Bộ phận một cửa cấp xã; - Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.13	Thực hiện liên thông với cấp huyện, các cơ quan liên quan TTHC về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1	
	- Thực hiện đúng quy định = 1 điểm ; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm .		- Phiếu hẹn, Phiếu chuyển hồ sơ của Bộ phận một cửa cấp xã; - Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.14	Liên thông TTHC đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ mai táng phí	1	
	- Thực hiện đúng quy định = 1 điểm ; - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng = 0 điểm .		- Phiếu hẹn, Phiếu chuyển hồ sơ của Bộ phận một cửa cấp xã; - Báo cáo của địa phương và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.15	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hẹn, sớm hẹn tại UBND cấp xã	1	
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC trả kết quả sớm hẹn, đúng hẹn đạt từ 99,5% trở lên = 1 điểm ; - Dưới 99,5% = 0 điểm .		Theo dõi trên Hệ thống và kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
3.2.16	Tiếp nhận và giải quyết phản ánh kiến nghị liên quan đến giải quyết TTHC	0,5	
	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng pháp luật những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức của công dân theo quy định = 0,5 điểm; - Không công khai hoặc không có hoặc giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng, không đúng pháp luật những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức = 0 điểm. 		Báo cáo kết quả kiểm soát TTHC, ảnh chụp thực tế tại cơ sở; ý kiến kiến nghị, phản ánh của người dân và kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan chuyên môn.
3.2.17	Xin lỗi công dân bằng văn bản khi có hồ sơ trả chậm	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xin lỗi công dân bằng văn bản, đúng quy định khi có hồ sơ trả chậm = 0,5 điểm (địa phương có 100% hồ sơ giải quyết và trả kết quả sớm hẹn, đúng hẹn thì chấm 0,5 điểm cho nội dung này); - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định = 0 điểm. 		Văn bản xin lỗi của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.2.18	Đánh giá kết quả giải quyết TTHC	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy trình, tổ chức đánh giá định kỳ = 0,5 điểm - Không thực hiện quy trình, không tổ chức đánh giá định kỳ = 0 điểm 		- Các văn bản, phiếu đánh giá định kỳ và theo dõi đánh giá của cơ quan chuyên môn.
3.3	Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2	
3.3.1	Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 300 hồ sơ phát sinh và thực hiện hoàn thành từ 90% trở lên trên hệ thống = 0,5 điểm; - Dưới 300 hồ sơ phát sinh hoặc từ 300 hồ sơ nhưng thực hiện hoàn thành dưới 90% trên hệ thống = 0 điểm. 		Kiểm tra trực tiếp trên Hệ thống và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

3.3.2	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	1,5	
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa = 1,5 điểm; - Từ 90% đến dưới 100% = 1 điểm; - Từ 80% đến dưới 90% = 0,5 điểm; - Dưới 80% = 0 điểm. 		Kiểm tra trực tiếp trên Hệ thống và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG III:</u>			
Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Văn hóa - Thông tin và các cơ quan liên quan thẩm định, chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của nội dung III.			
IV	HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ	20	
4.1	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND cấp xã	3	
4.1.1	Ban hành Quy chế hoạt động, nội quy các kỳ họp của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026	0,5	
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Quy chế hoạt động, nội quy các kỳ họp của HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo đúng yêu cầu, rõ nhiệm vụ = 0,5 điểm; - Không ban hành hoặc ban hành không đảm bảo đúng yêu cầu = 0 điểm. 		Quy chế hoạt động của HĐND cấp xã và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.1.2	HĐND cấp xã xây dựng kế hoạch giám sát	1	
	<ul style="list-style-type: none"> - Có xây dựng kế hoạch giám sát và tổ chức thực hiện = 1 điểm; - Không xây dựng = 0 điểm. 		Kế hoạch giám sát, văn bản về thực hiện giám sát và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.1.3	HĐND cấp xã kiến nghị cơ quan chức năng xử lý, giải quyết các vấn đề qua giám sát	1	

	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua giám sát phát hiện và có văn bản kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện trong quá trình thực hiện giám sát = 1 điểm; - Qua giám sát không phát hiện vấn đề hoặc có phát hiện nhưng không kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua giám sát = 0 điểm. 		Văn bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua giám sát và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.1.4	Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, tiếp xúc cử tri theo quy định	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, tham gia sinh hoạt, tiếp xúc cử tri theo quy định; phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri đến cơ quan chức năng = 0,5 điểm; 		Nghị quyết các kỳ họp và biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	- Đại biểu HĐND cấp xã thực hiện không tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn; không tham gia sinh hoạt, tiếp xúc cử tri không đúng quy định; không phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri đến cơ quan chức năng = 0 điểm .		
4.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã	10	
4.2.1	Quy chế hoạt động của UBND cấp xã	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kịp thời Quy chế làm việc của UBND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo yêu cầu quy định = 0,5 điểm; - Ban hành không kịp thời = 0 điểm. 		Quy chế làm việc của UBND và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.2	Phiên họp của UBND cấp xã	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp xã tổ chức họp đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm. 		Giấy mời họp tất cả các cuộc họp của UBND cấp xã theo quy định và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

4.2.3	Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định các nội dung quy định	0,5	
	- <i>Thực hiện đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng = 0 điểm.</i>		Tờ trình HĐND các nội dung theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.4	Tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với người dân và tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của người dân	2	
	Yêu cầu: - Trong năm tổ chức 02 lần = 2 điểm; - Trong năm tổ chức 01 lần = 1 điểm; - Không tổ chức = 0 điểm.		Kế hoạch tổ chức hội nghị tiếp xúc nhân dân, biên bản hội nghị tiếp xúc, văn bản xử lý vấn đề kiến nghị của người dân tại hội nghị tiếp xúc nhân dân và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.5	Phòng tiếp công dân của UBND cấp xã	1,5	
	Yêu cầu: - Bố trí nơi tiếp công dân đảm bảo trang nghiêm, lịch sự, đúng quy định = 1,5 điểm; - Không bố trí hoặc bố trí không đúng quy định = 0 điểm.		Báo cáo cầu địa phương; Ảnh chụp thực tế phòng tiếp công dân của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
4.2.6	Ghi sổ, lập hồ sơ tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định	1,5	
	Yêu cầu: - <i>Thực hiện đúng quy định = 1,5 điểm; - Thực hiện không đúng = 0 điểm.</i>		Bản sao Sổ tiếp công dân của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.2.7	Lịch tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã	1,5	

	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đứng đầu chính quyền cơ sở tiếp công dân ít nhất 48 ngày/năm hay 1 ngày/1 tuần = 1,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm. 		Bản sao Sổ Tiếp công dân, sổ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, sổ tiếp nhận đơn, thư; nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân thường xuyên và lịch tiếp định kỳ của người đứng đầu chính quyền.
4.2.8	Lịch tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân của Bí thư Đảng ủy cấp xã	1,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bí thư Đảng ủy cấp xã tiếp công dân ít nhất 24 ngày/năm hay 2 ngày/1 tháng = 1,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm. 		Bản sao Sổ Tiếp công dân, sổ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, sổ tiếp nhận đơn, thư; nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân thường xuyên và lịch tiếp định kỳ của người đứng đầu cấp ủy.
4.2.9	Sắp xếp, sáp nhập xóm, tổ dân phố	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương đã thực hiện sắp xếp xóm, tổ dân phố theo quy định = 0,5 điểm; - Dưới 100 % = 0 điểm. 		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của địa phương; - Thống kê tổng số xóm, tổ dân phố phải thực hiện sáp nhập. Số xóm, tổ dân phố đã thực hiện sắp xếp, sáp nhập. - Theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
4.3	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	7	
4.3.1	Thực hiện công khai những nội dung để Nhân dân biết	1	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai đầy đủ các nội dung, các hình thức theo quy định tại Điều 11, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 = 1 điểm; - Công khai không đầy đủ theo quy định = 0 điểm. * <u>Các nội dung công khai gồm:</u> Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương 		<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ Trang TTĐT đăng tải nội dung công khai; biên bản công khai, các tài liệu, văn bản chứng minh hình thức công khai, thực tế tại cơ sở và kết quả kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn. - Đối với nội dung không phát sinh, UBND

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<p><i>án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của cấp xã và kết quả thực hiện; công khai dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cấp xã; Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất; Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp...; Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ; Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Các TTHC, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương cấp xã trực tiếp thực hiện.</i></p>		<p>cấp xã giải trình, báo cáo cụ thể trên phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC.</p>
4.3.2	Thực hiện đề Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp một số nội dung	1	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thực hiện đủ 6 nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương, mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp; Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố... = 1 điểm;</i> - <i>Không thực hiện hoặc thực hiện để nhân dân khiếu kiện, kiến nghị đến cấp có thẩm quyền = 0 điểm.</i> 		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn. - Đối với nội dung không phát sinh, UBND cấp xã giải trình, báo cáo cụ thể trên phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC.
4.3.3	Các hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp	1	

	<p><u>Yêu cầu:</u> - Thực hiện bằng 01 trong 3 hình thức sau: Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình; Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn = 1 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.</p>		<p>Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, biên bản lấy phiếu, tổng hợp phiếu xin ý kiến, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.</p>
--	---	--	---

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
4.3.4	Các nội dung đề Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định	1	

	<p>- Thực hiện đầy đủ 9 nội dung gồm: Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư phát triển ngành, nghề của cấp xã; Dự thảo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho cấp xã quản lý; Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng... dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án; Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, ghép cụm dân cư; Dự thảo quyết định hành chính của UBND cấp xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng; Dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ...; Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn cấp xã. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần lấy ý kiến. = 1 điểm,</p> <p>- Thực hiện không đầy đủ 9 nội dung = 0 điểm.</p>		<p>- Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn. - Đối với nội dung không phát sinh, UBND cấp xã giải trình, báo cáo cụ thể trên phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC.</p>
4.3.5	<p>Hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định</p>	1	
	<p><u>Yêu cầu:</u> - Thực hiện bằng 01 trong 8 hình thức: Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND cấp xã với Nhân dân; tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; phát phiếu lấy ý kiến; hòm thư góp ý; thông qua Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ</p>		<p>Báo cáo của UBND cấp xã, biên bản các cuộc họp xóm, tổ dân phố, biên bản lấy phiếu, tổng hợp phiếu xin ý kiến, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<i>dân phố; qua Trang thông tin điện tử; qua mạng viễn thông, mạng xã hội hợp pháp; đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành đối với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 25 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. = 1 điểm; - Không thực hiện = 0 điểm.</i>		
4.3.6	Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân	1	
	Yêu cầu: - Ban Thanh tra nhân dân xây dựng Kế hoạch và thực hiện giám sát; kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vấn đề phát hiện qua giám sát = 1 điểm; - Không thực hiện chức năng giám sát = 0 điểm.		Kế hoạch hoạt động, báo cáo kết quả giám sát; Văn bản kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết những vấn đề phát hiện qua giám sát; báo cáo của UBND cấp xã, kiểm tra, thực tế tại cơ sở và theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
4.3.7	Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	1	
	Yêu cầu: - Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng Kế hoạch và thực hiện giám sát; kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vấn đề phát hiện qua giám sát = 1 điểm; - Không thực hiện chức năng giám sát = 0 điểm.		Kế hoạch hoạt động, báo cáo kết quả giám sát; Văn bản kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết những vấn đề phát hiện qua giám sát; báo cáo của UBND cấp xã, kiểm tra, thực tế tại cơ sở và theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG IV:			
Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp cơ quan liên quan thẩm định điểm tự chấm với nội dung IV.			
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	10	
5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5	
	Yêu cầu: - 100% cán bộ đạt chuẩn = 0,5 điểm; - Có cán bộ không đạt chuẩn = 0 điểm.		- Thống kê tổng số cán bộ cấp xã; số cán bộ đạt chuẩn, số chưa đạt chuẩn; - Theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

5.2	Chất lượng cán bộ cấp xã	1,5	
	<u>Yêu cầu:</u>		Báo cáo của UBND cấp xã và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	- 100% cán bộ cấp xã tại địa phương có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên (trừ trường hợp luật hoặc điều lệ tổ chức có quy định khác) = 1,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm . * Lưu ý: Đối với cán bộ trình độ chuyên dưới Đại học thực hiện theo luật hoặc điều lệ tổ chức có quy định khác, đề nghị giải trình rõ việc bố trí đối với từng cán bộ cấp xã.		
5.3	Chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã	1,5	
	<u>Yêu cầu</u> - 100% cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND) có trình độ chuyên môn Đại học trở lên = 1,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		- Thống kê danh sách cán bộ chủ chốt, danh sách cán bộ chủ chốt của cấp xã có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên; - Theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
5.4	Chất lượng của công chức cấp xã	1	
	<u>Yêu cầu:</u> - 100% công chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên = 1 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm . * Lưu ý: không áp dụng với Chi huy trưởng Quân sự cấp xã.		- Thống kê số lượng công chức của phường, thị trấn; số lượng công chức của phường, thị trấn có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên. - Báo cáo của địa phương và theo dõi của cơ quan chuyên môn.
5.5	Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp xã	1,5	

	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <p>- Đối với các đơn vị cấp xã có Bí thư Đảng ủy được cấp có thẩm quyền luân chuyển, điều động mà không phải là đại biểu HĐND = 1,5 điểm; - Đối với các đơn vị cấp xã còn lại:</p> <p>+ Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND hoặc kiêm nhiệm Chủ tịch UBND cấp xã = 1,5 điểm; + Không thực hiện = 0 điểm.</p>		Báo cáo của Đảng ủy, UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
5.6	Đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả công việc	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <p>- Thực hiện đúng quy định và có tiêu chí đánh giá định lượng cụ thể = 0,5 điểm;</p>		Báo cáo của UBND cấp xã, văn bản đánh giá cán bộ, công chức của UBND cấp xã, theo dõi của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<p>- Thực hiện không đúng quy định hoặc không có tiêu chí đánh giá định lượng cụ thể = 0 điểm.</p> <p>*Lưu ý: Thời điểm gửi báo cáo tự chấm điểm về Hội đồng thẩm định cấp huyện mà UBND cấp xã chưa hoàn thành việc đánh giá cán bộ, công chức theo quy định, sẽ bổ sung tài liệu kiểm chứng trong thời gian Hội đồng thẩm định cấp huyện thẩm định báo cáo tự chấm điểm của UBND cấp xã.</p>		
5.7	Cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	1,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <p>- Cử cán bộ, công chức tham gia đúng thành phần và 100% cán bộ, công chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo triệu tập của cấp có thẩm quyền thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền tổ chức = 1,5 điểm;</p> <p>- Không cử hoặc cử cán bộ, công chức tham gia không đầy đủ, không đúng thành phần hoặc có công chức vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền thông báo về địa phương = 0 điểm.</p>		Báo cáo của UBND cấp xã; Văn bản thông báo hoặc đánh giá về việc học viên vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

5.8	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính	2	
	Yêu cầu: - Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật = 2 điểm ; - Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã; các văn bản, biên bản đánh giá cán bộ, công chức và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn, kiểm tra thực tế tại cơ sở.
PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG V: Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp cơ quan liên quan thẩm định điểm tự chấm với nội dung V.			
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	5	
6.1	Ban hành Quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý	1	
	- Ban hành đúng quy định = 1 điểm ; - Không ban hành hoặc ban hành không đúng quy định = 0 điểm .		Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
6.2	Thực hiện công khai, kê khai tài sản công	1	
	Yêu cầu: - Định kỳ thực hiện kê khai, công khai tài sản công và báo cáo đầy đủ theo quy định = 1 điểm ; - Thực hiện không đúng quy định hoặc không báo cáo = 0 điểm .		- Báo cáo công khai tài sản công; - Báo cáo kê khai tài sản công (nếu có) và theo dõi của cơ quan chuyên môn
6.3	Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công	1,5	
	- Thực hiện đúng quy định = 1,5 điểm ; - Thực hiện không đúng quy định = 0 điểm .		Báo cáo của cơ quan, đơn vị và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn
6.4	Thực hiện công tác quản lý tài chính - ngân sách nhà nước	1,5	

	<u>Yêu cầu:</u> - Không có sai phạm được phát hiện trong năm = 1,5 điểm . - Có sai phạm được phát hiện trong năm = 0 điểm		Các văn bản, tài liệu minh chứng; theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
--	--	--	--

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VI

- Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của nội dung VI.

VII	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	12	
7.1	Lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy về chuyển đổi số	1	
	<u>Yêu cầu:</u> - <i>Cấp ủy cơ địa phương ban hành Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo thực hiện công tác chuyển đổi số = 1 điểm; - Không ban hành = 0 điểm.</i>		Nghị quyết chuyên đề của cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.2	Thành lập bộ phận về chuyển đổi số	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - <i>Thành lập Tổ/bộ phận kiêm nhiệm về chuyển đổi số và phân công Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp phụ trách = 0,5 điểm;</i> - <i>Chưa thực hiện hoặc không đúng yêu cầu = 0 điểm.</i>		Quyết định thành lập, phân công phụ trách công tác chuyển đổi số và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.3	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, chính quyền số	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<u>Yêu cầu:</u> - <i>Tổ chức hoặc tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, chính quyền số hoặc in tờ gấp, bài viết tuyên truyền chuyển đổi số, chính quyền số hoặc xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của địa phương = 0,5 điểm;</i> - <i>Không thực hiện hình thức nào = 0 điểm.</i>		- Kế hoạch hoặc giấy mời, hình ảnh, tin, bài viết minh chứng việc đã tổ chức hội nghị tập huấn. - Địa chỉ liên kết đến chuyên mục về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn

7.4	Gắn phong trào thi đua , khen thưởng với công tác chuyển đổi số.	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phát động phong trào thi đua chuyên đổi số, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính số tại địa phương và lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số</i> = 0,5 điểm; - <i>Không thực hiện = 0 điểm.</i> 		Văn bản minh chứng tổ chức phong trào thi đua, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số và theo dõi, đánh giá, kiểm tra của cơ quan chuyên môn.
7.5	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn hằng năm theo quy định</i> = 0,5 điểm; - <i>Không xây dựng = 0 điểm.</i> 		Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025, Kế hoạch chuyển đổi số năm của địa phương và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.6	Nhiệm vụ chuyển đổi số được phê duyệt	1	
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trong năm có phê duyệt nhiệm vụ, đề án, dự án chuyển đổi số, ứng dụng CNTT theo quy định = 1 điểm;</i> - <i>Không có = 0 điểm.</i> 		Quyết định, Kế hoạch, kết luận, kế hoạch công tác, công văn, thiết kết, thuyết minh dự án, đề án... và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.7	Bố trí công chức chuyên môn phụ trách chuyển đổi số	0,5	
	<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bố trí công chức phụ trách chuyển đổi số có chuyên môn từ Đại học trở lên và được bồi dưỡng về công nghệ thông tin = 0,5 điểm;</i> - <i>Bố trí phân công khác với yêu cầu trên = 0 điểm.</i> 		Quyết định phân công, bản sao bằng chuyên môn và chứng chỉ bồi dưỡng của công chức phụ trách chuyển đổi số và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.8	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về chuyển đổi số tại địa phương	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	Yêu cầu: - Có Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số hoặc cử công chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức = 0,5 điểm ; - Không thực hiện = 0 điểm .		Kế hoạch, giấy mời dự tập huấn về bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trong ngành và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.9	Bố trí máy tính phục vụ công việc	0,5	
	Yêu cầu: - 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính, đáp ứng yêu cầu công việc = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		Báo cáo của địa phương; thực tế tại cơ sở và theo dõi đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.10	Trao đổi văn bản điện tử	1	
	Yêu cầu: - 100% văn bản được (trừ văn mật) được gửi trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hỗ trợ điều hành = 1 điểm ; - Có văn bản giấy ban hành (trừ văn bản gửi xóm/tổ dân phố) = 0 điểm . *Lưu ý: đối với văn bản gửi đến các xóm, không yêu cầu gửi liên thông nhưng phải đảm bảo 100% được số hóa và cập nhật trên phần mềm QLVB&HTĐH.		Kiểm tra trực tiếp trên Hệ thống và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.11	Tạo, lập hồ sơ công việc điện tử	1	
	Yêu cầu: - 100% cán bộ, công chức tạo, lập hồ sơ công việc điện tử theo hướng dẫn và xử lý trên môi trường mạng = 1 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		Kiểm tra trực tiếp trên hệ thống và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.12	Lập lịch công tác của lãnh đạo trên phần mềm QLVB&HTĐH	0,5	
	Yêu cầu: - 100% lịch công tác của lãnh đạo UBND được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên phần mềm = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		Kiểm tra trực trên hệ và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn, truy cập.

7.13	Sử dụng chữ ký số	1,5	
	Yêu cầu: - 100% văn bản điện tử đi được ký số trực tiếp trên phần mềm và được gửi liên thông trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành = 1,5 điểm;		Kiểm tra trực trên hệ và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn, truy cập.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	- Có văn bản ký bản giấy = 0 điểm.		
7.14	Trang thông tin điện tử	1	
	Yêu cầu: - Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin theo quy định = 1 điểm; - Không đáp ứng = 0 điểm.		Địa chỉ liên kết đến Trang thông tin điện tử của địa phương, kiểm tra trực tiếp trên Trang thông tin điện tử và theo dõi, kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
7.15	Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	
	Yêu cầu: - Tính tổng số DVCTT đang cung cấp (A); - Tính tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến (B); - Tính tỷ lệ B/A. Nếu đạt: + Từ 80% trở lên = 0,5 điểm; + Dưới 80% = 0 điểm.		Kiểm tra trực tiếp trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.
7.16	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1	
	- Đạt 55% trở lên = 1 điểm; - Dưới 55% = 0 điểm.		

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VII

- Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của nội dung VII.

VIII	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG	16	
8.1	Về phát triển kinh tế - xã hội	3	

8.1.1	Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giao	1,5	
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% các chỉ tiêu đề ra = 1,5 điểm; - Hoàn thành từ 95% đến dưới 100% = 0,5 điểm; - Hoàn thành từ 90% đến dưới 95% = 0,25 điểm; - Hoàn thành dưới 90% = 0 điểm. 		Nghị quyết của HĐND, kế hoạch phát triển KT - XH; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT - XH và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
8.1.2	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của địa phương theo Kế hoạch được giao	1,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thu ngân sách của địa phương trong năm vượt chỉ tiêu được giao từ 3% trở lên thì = 1,5 điểm; - Nếu đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 3% thì = 1 điểm; - Nếu không hoàn thành chỉ tiêu = 0 điểm. <p>Ví dụ: Dự toán thu ngân sách của xã A năm 2021 được giao là 1.000 triệu đồng. Kết quả thực hiện thu ngân sách trong năm là 1.040 triệu đồng. Tỷ lệ đạt là $1.000/1.040 = 104\%$ kế hoạch (Tức là vượt kế hoạch 4%).</p>		<p>Dự toán thu ngân sách trong năm được cấp huyện giao. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm và theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.</p> <p>Lưu ý: Kết quả thực hiện thu ngân sách được tính tỷ lệ %: Tổng số thu ngân sách trong năm/tổng số dự toán thu được giao theo kế hoạch.</p>
8.2	Về quốc phòng và an ninh	3	
8.2.1	Thực hiện tuyển sinh quân sự, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	1	
	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tuyển sinh quân sự, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đúng Luật nghĩa vụ quân sự, có chất lượng tốt, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao = 1 điểm; - Thực hiện không tốt, không đúng quy định hoặc không hoàn thành chỉ tiêu được giao = 0 điểm. 		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.2.2	Kế hoạch diễn tập, huấn luyện dân quân; đăng ký, quản lý huy động quân nhân dự bị động viên	1	

	<u>Yêu cầu:</u> - Hoàn thành 100% kế hoạch diễn tập, huấn luyện dân quân; đăng ký, quản lý huy động quân nhân dự bị động viên = 1 điểm ; - Hoàn thành dưới 100% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.2.3	Thôn, tổ dân phố được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" theo quy định	1	
	<u>Yêu cầu:</u> - 80% trở lên số thôn, tổ dân phố được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" không để xảy ra các vụ việc, tụ điểm phức tạp, hình thành "điểm nóng" về an ninh trật tự trên địa bàn = 1 điểm ; - Dưới 80% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.3	Về kết cấu hạ tầng	5	
8.3.1	Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (đối với UBND xã)	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
(A)	Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (đối với xã)		
	<u>Yêu cầu:</u> - Trong năm được công nhận hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới (xã chưa đạt chuẩn NTM); duy trì và nâng cao các tiêu chí NTM (đối với xã đã hoàn thành chương trình xây dựng NTM từ các năm trước) = 1 điểm . - Chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng không duy trì và nâng cao được một trong các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
(B)	Quản lý các hoạt động xây dựng (đối với UBND phường, thị trấn)		

	<u>Yêu cầu:</u> - Quản lý tốt việc xây dựng nhà ở, lòng đường, vỉa hè và công trình khác của nhân dân không để xảy ra vi phạm, mất trật tự an toàn giao thông = 1 điểm - Quản lý không tốt, để xảy ra vi phạm = 0 điểm		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
8.3.2	Hệ thống đường giao thông	1,5	
8.3.2.1	Đường liên thôn (tổ dân phố)	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - 100% đường liên thôn (tổ dân phố) được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
8.3.2.2	Đường trục thôn, đường ngõ	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - 100% đường trục thôn, đường ngõ được bê tông hóa, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện = 0,5 điểm ; - Từ 80% đến dưới 100% = 0,25 điểm ; - Dưới 80% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.
8.3.2.3	Hệ thống chiếu sáng đường giao thông	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - 100% đường liên thôn (tổ dân phố) được chiếu sáng đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện = 0,5 điểm ; - Từ 80% đến dưới 100% = 0,25 điểm ;		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi của các cơ quan chuyên môn.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	- Dưới 80% = 0 điểm .		
8.3.3	Tỷ lệ người dân dùng nước sạch theo quy định	1	
(A)	Đối với phường, thị trấn		

	<u>Yêu cầu:</u> - 100% người dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế = 1 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
(B)	Đối với xã		
	<u>Yêu cầu:</u> - Từ 90% người dân trở lên được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế = 1 điểm ; - Dưới 90% = 0 điểm .		
8.3.4	Hệ thống thông tin, liên lạc	1	
	<u>Yêu cầu:</u> - Có điểm phục vụ dịch vụ bưu chính, chuyển phát, các dịch vụ viễn thông, Internet và 100% hộ gia đình được sử dụng các dịch vụ nói trên = 1 điểm ; - Không đáp ứng yêu cầu và dưới 100% hộ gia đình được sử dụng các dịch vụ nói trên = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.3.5	Hệ thống điện lưới quốc gia	0,5	
	<u>Yêu cầu:</u> - 100% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.4	Về giáo dục, y tế và văn hóa - xã hội	4	
8.4.1	Cơ sở vật chất trường học và thu các khoản đóng góp tự nguyện trong trường học.	1,5	
8.4.1.1	Cơ sở vật chất trường học	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
-----	--	-------------	---------------------

	Yêu cầu: - Có mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn đạt chuẩn theo quy định = 0,5 điểm ; - Không đạt chuẩn = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn (Văn bản, biên bản và các chứng từ liên quan).
8.4.1.2	Huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	0,5	
	Yêu cầu: - 100% trẻ trong độ tuổi được đến trường = 0,5 điểm ; - Dưới 100% = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn
8.4.1.3	Thực hiện các khoản thu trong trường học	0,5	
	Yêu cầu: - Thu các khoản đóng góp đúng quy định = 0,5 điểm ; - Để xảy ra tình trạng thu không đúng quy định các khoản đóng góp của phụ huynh học sinh = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn
8.4.2	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	0,5	
	Yêu cầu: - Đạt tỷ lệ bằng hoặc vượt chỉ tiêu UBND cấp huyện giao trong năm đánh giá = 0,5 điểm ; - Không đạt chỉ tiêu giao = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn (Văn bản, biên bản và các chứng từ liên quan).
8.4.3	Khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân	1,5	
8.4.3.1	Cơ sở vật chất trạm y tế	0,5	
	Yêu cầu: - Trạm y tế đạt chuẩn theo quy định = 0,5 điểm ; - Trạm y tế đạt không đạt chuẩn theo quy định = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn.
8.4.3.2	Chăm sóc sức khỏe cho nhân dân	0,5	
	Yêu cầu: - Thực hiện tốt công tác y tế cộng đồng đối với người dân = 0,5 điểm ; - Không thực hiện tốt công tác y tế cộng đồng đối với người dân = 0 điểm .		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
8.4.3.3	Tiêm phòng cho trẻ em	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
	<p>Yêu cầu:</p> <p>- 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng = 0,5 điểm; - Dưới 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm = 0 điểm.</p>		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của cơ quan chuyên môn.
8.4.4	Thực hiện chế độ, chính sách người có công với Cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội	0,5	
	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Thực hiện đúng, đầy đủ quy định về chính sách đối với gia đình chính sách, người có công, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.... Địa phương không để xảy ra vi phạm, khiếu kiện = 0,5 điểm; - Thực hiện không đúng quy định, trong năm địa phương để xảy ra vi phạm, khiếu kiện = 0 điểm.</p>		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn (Văn bản, biên bản và các chứng từ liên quan).
8.5	Về quản lý tài nguyên, môi trường	1	
8.5.1	Bố trí các điểm tập kết rác thải sinh hoạt; sắp xếp các điểm chợ, điểm giết mổ gia súc, gia cầm (nếu có) hợp vệ sinh, đúng quy định.	0,5	
	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Thực hiện tốt vệ sinh môi trường trên địa bàn, không có phản ánh, kiến nghị về tình trạng rác thải, giết mổ gia súc, gia cầm không đúng quy định = 0,5 điểm; - Thực hiện không tốt = 0 điểm.</p>		Báo cáo của UBND cấp xã, thực tế tại cơ sở và kiểm tra, theo dõi, đánh giá của các cơ quan chuyên môn. - Các địa phương bố trí điểm tập kết rác thải sinh hoạt; sắp xếp các điểm chợ, điểm giết mổ gia súc, gia cầm (nếu có) hợp vệ sinh, đúng quy định; không có phản ánh, kiến nghị của người dân, cơ quan báo chí về tình trạng rác thải, ô nhiễm môi trường trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.
8.5.2	Quản lý sử dụng đất và công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn (nếu có)	0,5	
	<p>Yêu cầu:</p> <p>- Quản lý sử dụng đất và thực hiện hoặc phối hợp thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn (nếu có), trong năm không để xảy ra các vi phạm = 0,5 điểm; - Trong năm để xảy ra vi phạm = 0 điểm.</p>		

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VIII:

- Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí 8.1
- Ban Chỉ huy quân sự huyện, thành phố chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.2.1, 8.2.2.
- Công an huyện, thành phố chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.2.3.
- Phòng Kinh tế (UBND TP) chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.3.1 mục A, 8.3.5.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần/Cách thức, phương pháp đánh giá, chấm điểm	Điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
-	Phòng Quản lý đô thị (UBND TP) chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.3.1 mục B, 8.3.2, 8.3.3.		
-	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (UBND huyện) chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.3.1(mục A), phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.3.3.		
-	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (UBND huyện) chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.3.1 mục B; 8.3.2, 8.3.5.		
-	Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.3.4.		
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.4.1.		
-	Phòng Y tế chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.4.2, 8.4.3.		
-	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí thành phần 8.4.4.		
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, thẩm định điểm tự chấm tiêu chí 8.5.		

KẾT QUẢ

Số TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm HĐTD UBND cấp huyện đánh giá	Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC
1	Số điểm	100				
2	Tổng số điểm đạt được					

